

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ KỸ THUẬT TRONG CÔNG NGHIỆP HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN Ở TRUNG QUỐC VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Thị Vi, TS. Phạm Huy Vinh

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: vint@neu.edu.vn

Phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật nông thôn đang là vấn đề đặt ra với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Trung Quốc là nước có những thành công trong việc mở mang phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật nông thôn. Điều đó đã đem lại những kết quả tích cực với sản xuất cũng như nâng cao chất lượng đời sống dân cư nông thôn Trung Quốc. Bài viết tập trung nghiên cứu một số vấn đề trong phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật trong công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm có ý nghĩa tham khảo với Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và xây dựng nông thôn mới theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước hiện nay.

Từ khóa: cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, nông nghiệp, nông thôn, Trung Quốc.

1. Dẫn nhập:

Bước vào thời kỳ cải cách và mở cửa (1978- nay), kinh tế nông thôn Trung Quốc có sự chuyển biến và phát triển đa dạng. Trong thời gian qua, tình hình kinh tế - xã hội (KT - XH) Trung Quốc cho thấy, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp nông thôn với các xí nghiệp hương trấn phát triển rất mạnh mẽ. Điều đó đã làm thay đổi diện mạo KT - XH nông thôn Trung Quốc và có sự đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Số liệu của Cục Thống kê Trung Quốc cho biết, kim ngạch ngoại thương Trung Quốc đã tăng từ 509,7 tỉ USD (năm 2001) lên 2.100 tỉ USD (năm 2007). Năm 2010, Trung Quốc đã trở thành nước có GDP thứ hai thế giới sau Mỹ và vượt Đức trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới, dự trữ ngoại tệ đạt 2.648,3 tỉ USD (tính đến 10/2010).

Thời gian qua, nông nghiệp Trung Quốc đạt được những thành tựu quan trọng và sản xuất nông nghiệp từ trạng thái tự cấp tự túc sang phát triển sản xuất hàng hóa. Thực tế, diện tích canh tác chỉ chiếm 7% diện tích canh tác thế giới, nhưng Trung Quốc có thể tự sản xuất và cung cấp đủ lương thực cho hơn 1/5 tức 22% dân số thế giới. Trong giai đoạn 1979- 1996, GDP nông nghiệp Trung Quốc tăng 13,7 lần; thu nhập đầu người nông thôn tăng 14,7 lần; đói nghèo nông thôn giảm từ 32,7% xuống còn

6,5%. Năm 2012, sản lượng lương thực Trung Quốc đạt xấp xỉ 580 triệu tấn¹, tăng 18,3 triệu tấn so với năm 2011, liên tiếp 5 năm duy trì sản lượng ổn định ở mức trên 520 triệu tấn. Điều đó cho thấy, năng lực sản xuất tổng hợp lương thực Trung Quốc đã bước lên bậc thềm mới. Đồng thời, cơ cấu lao động xã hội trong nông thôn Trung Quốc cũng chuyển dịch theo hướng tích cực gắn với sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trong nông thôn.

Sự chuyển biến về KT- XH nông thôn Trung Quốc là do nhiều nhân tố, như: sự biến đổi về thể chế KT - XH nông thôn, chính sách đầu tư phát triển KT - XH nông thôn và mở mang phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật (KTKT) trong nông thôn. Nhìn vào hạ tầng KTKT nông thôn cho thấy, hoạt động đầu tư hạ tầng KTKT nông thôn Trung Quốc tương đối đồng bộ, bao gồm: hạ tầng giao thông nông thôn, hệ thống điện nông thôn, hệ thống cung cấp nước sạch và thủy lợi, hệ thống thông tin- viễn thông, các xí nghiệp hương trấn, mạng lưới chợ và trung tâm giao dịch,... Do vậy, việc tìm hiểu tình hình phát triển hạ tầng KTKT ở Trung Quốc sẽ có ý nghĩa lý luận và thực tiễn với quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn Việt Nam hiện nay, đặc biệt khi Đảng và Nhà nước ta đang chủ trương đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nhằm tạo sự biến đổi sâu sắc với kinh tế - xã hội nông thôn trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bảng 1: Tình hình đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc giai đoạn 2003-2008. Đơn vị tính: vạn nhân dân tệ (NDT)

Năm	Tổng đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tỷ trọng NSNN/tổng đầu tư (%)	Tỷ lệ tăng (%)
2003	2.379.916,78	867.132,39	625.027,81	36,44	13,81
2004	2.566.991,19	856.504,12	582.983,51	33,37	-1,23
2005	3.067.780,62	1.018.301,48	627.123,01	33,19	18,90
2006	3.367.432,48	1.099.003,45	741.514,99	32,64	7,93
2007	3.633.491,63	1.210.595,51	798.649,09	33,32	10,15
2008	3.925.882,55	1.324.435,30	905.516,74	33,74	9,40

Nguồn: Niên giám Tài chính Trung Quốc (2009)

2. Một số vấn đề chủ yếu trong phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật nông thôn Trung Quốc

2.1. Vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn tăng nhanh chóng.

Ngay từ khi thực hiện cải cách và mở cửa nền kinh tế, Trung Quốc đã ưu tiên phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã đưa hàng loạt các chính sách ủng hộ và khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, đặc biệt là các xí nghiệp hương trấn. Năm 1979, Quốc vụ viện ra “Quy định về mấy vấn đề phát triển xí nghiệp xã đội”. Tiếp theo, Văn kiện số 1 năm 1984 chỉ ra “... khuyến khích nông dân đầu tư vào các loại xí nghiệp, khuyến khích tập thể và nông dân đầu tư vào các loại xí nghiệp trên nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi...”. Về chính sách, Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp, đầu tư cho xí nghiệp hương trấn. Từ đó, các xí nghiệp hương trấn phát triển mạnh mẽ và đã đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nền kinh tế.

Hội nghị Trung ương 5 khóa XVI năm 2005 thông qua “Kiến nghị của Trung ương ĐCS Trung

Quốc về chế định quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ VI” đã xác định nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới XHCN. Tháng 1 năm 2006, Trung ương ĐCS Quốc vụ viện Trung Quốc đã đưa ra “Ý kiến về thúc đẩy nông thôn mới XHCN”. Tháng 3 năm 2006, đại biểu đại hội nhân dân Trung Quốc đã thông qua “Chương yếu quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ XI”. Xây dựng nông thôn mới XHCN được xem là nỗ lực mới của Trung Quốc trong tìm kiếm giải pháp đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội nông thôn.

Thực tế cho thấy, đầu tư xây dựng CSHT của Trung Quốc ngày một tăng, tốc độ gần 25% những năm gần đây. Giai đoạn 2003- 2005, Trung Quốc đầu tư bình quân 8% GDP vào xây dựng CSHT². Từ 2001 đến 2010, ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương của Trung Quốc tổng cộng đầu tư 204,38 tỷ NDT để cải thiện CSHT của những khu vực nghèo khó, phát triển ngành sản xuất đặc sắc, hoàn thiện hệ thống dịch vụ xã hội.

Từ năm 2003 đến 2008, đầu tư toàn xã hội nói chung và đầu tư TSCĐ nông thôn Trung Quốc nói riêng tăng lên nhanh chóng. Tỷ lệ tăng trưởng đầu tư

Bảng 2: Tổng đầu tư tài sản cố định nông thôn Trung Quốc những năm gần đây

Đơn vị tính: vạn nhân dân tệ.

Năm	Đầu tư toàn xã hội	Đầu tư TSCĐ nông thôn	Tỷ trọng đầu tư TSCĐ nông thôn với đầu tư toàn XH (%)	Tỷ lệ tăng trưởng đầu tư TSCĐ (%)
2003	55.566,6	9.754,9	17,6	21,8
2004	70.477,4	11.449,3	16,2	17,4
2005	88.773,6	13.678,5	15,4	19,5
2006	109.998,2	16.629,5	15,1	21,6
2007	137.323,9	19.859,5	14,5	19,4
2008	172.828,4	24.090,1	13,9	21,3

Nguồn: Niên giám Tài chính Trung Quốc (2009)

TSCĐ nông thôn đạt mức trung bình hơn 20% mỗi năm. Trong giai đoạn 2006 - 2012, Chính phủ đã đầu tư khoảng 6.000 tỷ NDT vào vùng nông thôn³. Đây là lượng tiền tương đương với số tiền mà Tổng thống Mỹ Barack Obama đã bơm vào nền kinh tế thông qua các gói kích thích nhằm giải quyết khủng hoảng tài chính. Trong khi nước Mỹ đổ tiền vào khu vực tài chính và tạo nên bong bóng, thì Trung Quốc sử dụng các gói kích thích để giải quyết tình trạng thiếu vốn ở vùng nông thôn và thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh. Nhờ vào khoản đầu tư này, 95% thôn làng ở Trung Quốc đã có điện, đường xá, hệ thống nước sạch, khí tự nhiên cùng với đường dây điện thoại. Đây là tỷ lệ cao so với mức 50% ở vùng nông thôn của Ấn Độ - đất nước có qui mô dân số sinh sống ở nông thôn tương tự Trung Quốc.

Theo số liệu của Cục Thống kê, năm 2011 Trung Quốc đã dùng nguồn ngân sách Nhà nước để hỗ trợ phát triển nông nghiệp lên tới 140,6 tỷ NDT (tương đương 22 tỷ USD), tăng 18 tỷ NDT so với năm 2010, gấp 9,7 lần so năm 2004.

Bên cạnh đảm bảo nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, Trung Quốc rất tích cực tìm kiếm các khoản vay ưu đãi với mức lãi suất thấp từ các tổ chức kinh tế quốc tế cho các dự án đầu tư xây dựng CSHT KTKT ở nông thôn.

2.2. Xây dựng và phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng KTKT nông thôn

2.2.1. Phát triển hệ thống giao thông nông thôn

Nông thôn Trung Quốc có câu tục ngữ “Muốn giàu có thì phải làm đường”, điều này đã phản ánh quan hệ mật thiết giữa tình trạng cầu đường với sự phát triển kinh tế. Nhà nước luôn tăng cường đầu tư xây dựng CSHT tại các vùng nghèo khó, các công trình đường sá, thủy lợi,... Từ năm 1984- 1999, thông qua chương trình hỗ trợ hạ tầng đã tu sửa 207.200 km đường nông thôn. Theo “*Kế hoạch công kiên xóa đói giảm nghèo 87*”⁴ được Trung Quốc công bố năm 1994, điều kiện CSHT giao thông của các huyện trọng điểm đã được cải thiện rõ rệt. Từ 1997 - 2000, số km đường cấp huyện đã tăng 17,2%, bình quân tăng 5,4%/năm. Từ năm 2000 đến 2005 chiều dài đường bộ ở Trung Quốc đã tăng 250.700 km, đạt 1.930.500 km. Năm 2005, đã nối liền hoạt động kinh tế giữa các vùng của Trung Quốc rộng lớn gắn với mạng lưới giao thông nông thôn, góp phần mở mang phát triển thị trường nông thôn và giao lưu kinh tế trong nước.

Trong Quy hoạch 5 năm lần thứ 11 (2006 - 2010), Trung Quốc đầu tư 100 tỷ NDT vào việc cải tạo và nâng cấp đường ô tô ở các huyện và xã trong toàn quốc, nên đa số thị trấn của Trung Quốc đều có

đường rải nhựa. Chỉ riêng năm 2009, Trung Quốc đầu tư làm mới và sửa chữa khoảng 300.000 km đường bộ nông thôn. Nhờ vậy, mạng lưới đường bộ ngày càng được cải thiện. Do đó, vận tải hành khách và hàng hoá bằng đường bộ đã tăng lên (tương ứng 26% và 29,2% tổng lượng vận chuyển).

2.2.2. Hệ thống điện nông thôn được mở rộng nhanh chóng

Cũng từ “*Kế hoạch 87*” nói trên, năm 1997, số thôn làng có đường điện đạt mức 97,5%. Đến năm 2000, đã có hơn 98% số thôn trong toàn quốc thông đường điện. Lượng điện dùng của các thôn thuộc huyện trọng điểm những năm 1997 - 2000 cũng tăng 6,4%. Các ngành công nghiệp năng lượng điện đã phát triển với tốc độ nhanh chóng với sự gia tăng công suất phát điện từ 1368,5 tỷ kw năm 2000 lên 2497,5 tỷ kw năm 2005, tăng trưởng bình quân hàng năm 12,8%. Trung Quốc đã thành lập sáu mạng lưới điện ổn định quy mô lớn ở địa phương, và hình thành sơ bộ mạng lưới điện quốc gia ngoại trừ Tân Cương, Tây Tạng, Hải Nam. Trung Quốc đã xây dựng ba hành lang truyền tải điện từ phía tây sang phía đông ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Hệ thống điện phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản xuất nông thôn Trung Quốc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng đời sống dân cư.

2.2.3. Hệ thống cung cấp nước sạch và thủy lợi được cải thiện và tăng cường

Để phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, Chính phủ đã thực hiện các biện pháp xử lý nguồn nước ở các con sông lớn như Hoàng Hà, Dương Tử... để tưới tiêu phục vụ nông nghiệp và sản xuất công nghiệp. Nhà nước đã đầu tư khoảng 500 tỉ NDT (tương đương 60 tỉ USD) cho kế hoạch nước sạch từ Bắc đến Nam, gấp đôi số tiền đầu tư cho đập Tam Hoàng. Năm 2012, Trung Quốc đầu tư cho thủy lợi vượt mức 140 tỷ NDT⁵. Theo thông tin của Bộ Tài nguyên Trung Quốc, đến năm 2015 sẽ có thêm gần 300 triệu người vùng nông thôn Trung Quốc được tiếp cận với nguồn nước sạch. Yan Guanyu, Phó giám đốc Trung tâm Phát triển hệ thống tưới tiêu và thoát nước thuộc Bộ Tài nguyên Trung Quốc cho biết: việc giải quyết vấn đề an toàn nước đối với người dân nông thôn và 114.000 trường học vùng nông thôn vào năm 2015 được đánh giá là một trong những dự án trọng điểm của Chính phủ.

Báo cáo của Thứ trưởng Bộ Tài nguyên Trung Quốc Li Guoying, những năm gần đây có thêm gần 200 triệu người dân nông thôn (trong tổng số gần 300 triệu người) không có điều kiện sử dụng nước sạch và an toàn do ô nhiễm nước ngày càng trầm

trọng, nơi cung cấp nước bị xuống cấp và kém chất lượng. Đứng trước tình hình ấy, Trung Quốc đã thông qua các tiêu chuẩn nước sạch mới và nghiêm ngặt hơn. Họ dự kiến đầu tư 175 tỷ NDT (khoảng 27,8 tỷ đôla Mỹ) vào năm 2015 để đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho các vùng nông thôn. Hơn một thập kỷ qua, Trung Quốc đã dành 178,6 tỷ NDT xây dựng các dự án nước sạch ở các vùng nông thôn nhằm đảm bảo đời sống sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

Nhằm đối phó với khủng hoảng về nguồn nước sạch và nước tưới tiêu ở một số vùng trong thời gian gần đây, Trung Quốc đã bắt đầu kế hoạch đầy tham vọng, đó là đưa nguồn nước dồi dào từ miền Nam sang miền Bắc của đất nước. Đây là một dự án có quy mô lớn nhằm dẫn nước đến miền Bắc khô hạn, nơi hiện đang thiếu nước sạch nghiêm trọng cho sản xuất và đời sống. Khi hoàn thành vào năm 2050, kế hoạch dự kiến sẽ tiêu tốn khoảng 50 tỉ USD để chuyển 44,8 tỉ m³ nước sông miền Nam đến những nông trại và thành phố thiếu nước ở phía Bắc.

2.2.4. Phát triển các xí nghiệp hương trấn

Trong suốt thời kỳ cải cách và mở cửa (1978 đến nay), Trung Quốc có chủ trương “*Ly nông bất ly hương, nhập xưởng bất nhập thành*”, nên việc phát triển các xí nghiệp hương trấn (XNHT) là loại hình kinh tế nông thôn đặc thù, là sự chuyển biến, tiếp nối của mô hình hợp tác xã thủ công trước cải cách kinh tế.

Từ sau khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa, việc phát triển xí nghiệp hương trấn được coi là con đường tất yếu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống nông dân, qua đó từng bước hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa nông thôn và nhất thể hóa nông thôn - thành thị. Từ năm 1984- 1988, giá trị sản lượng của các xí nghiệp Hương trấn trung bình tăng 43%/năm. Sản lượng của các xí nghiệp hương trấn trong tổng sản lượng công nghiệp toàn quốc Trung Quốc tăng từ 9,1% (1980) lên 30,8% (1991). Năm 1991, giá trị tổng sản lượng của các xí nghiệp hương trấn đạt 1.160 tỷ NDT (lần đầu tiên vượt mốc 1000 tỷ NDT), giá trị hàng xuất khẩu của XNHT đạt 78,9 tỷ NDT, tăng 200% so với 1988. Giai đoạn 1995 - 2000, các xí nghiệp hương trấn đóng góp 30,4% trong GDP (so với 25,3% giai đoạn 1991- 1995).

Việc phát triển các xí nghiệp hương trấn đã giải quyết nhiều việc làm ở nông thôn. Năm 2000, số công nhân xí nghiệp hương trấn đạt 128,2 triệu người (chiếm 27,3% tổng số lao động nông thôn). Năm 2007, xí nghiệp hương trấn đã đóng góp cho nền kinh tế Trung Quốc 6.962 tỷ NDT, chiếm 1/3 tăng trưởng GDP, tăng 332 lần so với giá trị tạo ra

trong 30 năm cải cách mở cửa. Tuy nhiên, thời gian gần đây xí nghiệp Hương trấn đang phải đối mặt với nhiều vấn đề, thách thức từ sự phát triển như chất lượng hàng hóa còn kém, tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái nông thôn.

2.2.5. Hệ thống chợ, trung tâm giao dịch ở nông thôn

Trung Quốc hết sức coi trọng mở rộng thị trường giao lưu hàng hóa, nhất là hàng nông sản. Vì vậy, trong những năm qua, Nhà nước có nhiều biện pháp đẩy mạnh phát triển hệ thống chợ nông thôn. Nhiều chợ nông thôn được xây mới, mở rộng, nâng cấp đã tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và người dân trao đổi, giao lưu hàng hóa. Ở Trung Quốc các chợ bán buôn nông sản cũng là các “doanh nghiệp đầu rông”⁶. Khác với Việt Nam, hệ thống chợ bán buôn nông sản của Trung Quốc được thành lập và quản lý như một xí nghiệp. Các chợ này được hưởng các quyền, chế độ và thực hiện nghĩa vụ như các xí nghiệp Hương trấn khác.

Sự ra đời của các chợ, trung tâm giao dịch giữa thành thị và nông thôn đã tạo nên các thị trường chuyên doanh, các đầu mối giao dịch hàng hóa và thông qua đó tạo ra các thị trấn hay thành phố nhỏ. Trung Quốc còn xây dựng các chợ đầu mối nông sản lớn ở các thành phố nhằm đưa hàng nông sản đi khắp các vùng của đất nước, như chợ đầu mối nông sản ở thành phố Thượng Hải.

2.2.6. Hệ thống thông tin - viễn thông nông thôn

Nhằm cung cấp thông tin cho phát triển kinh tế - xã hội, Trung Quốc đã tăng cường đầu tư phát triển hệ thống phát thanh, truyền hình, bưu chính viễn thông... “*Kế hoạch 87*” đã nêu trên cũng tạo ra bước cải thiện rõ nét trong lĩnh vực thông tin liên lạc. Năm 2000, đã có 72,2% số thôn thông đường điện thoại, tỷ lệ thôn có bưu điện đạt 75,6%. Về lĩnh vực thông tin, ngoài tờ báo Nông nghiệp cùng nhiều phụ bản phát hành đến tận xã, Trung Quốc xây dựng một hệ thống cung cấp thông tin và đào tạo kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho nông dân qua truyền hình, phát sóng 24/24. Chính sách này được người Trung Quốc gọi là “mưa dầm thấm lâu”. Trường Phát thanh truyền hình nông nghiệp Trung ương, Trung tâm đào tạo nông dân quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp Trung Quốc được thành lập năm 1980. Cơ quan này có nhiệm vụ giới thiệu và phổ biến khoa học kỹ thuật cho nông dân, tuyên truyền chính sách pháp luật nông nghiệp và cung cấp thông tin thời sự về nông nghiệp, nông thôn. Mỗi năm Chính phủ đầu tư cho cơ quan này khoảng 20 triệu NDT.

Hệ thống phát thanh truyền hình và đào tạo được nối dài từ trung ương đến địa phương. Chủ trương

của Chính phủ Trung Quốc là cố gắng cung cấp thật nhiều thông tin và thông tin liên tục cho nông dân, đảm bảo nông dân thường xuyên được cập nhật tin tức. Ngoài ra, tỉnh Hà Bắc⁷ còn được trang bị hệ thống *đường dây nóng* phục vụ bà con nông dân. Các chuyên gia sẽ trả lời, tư vấn cho nông dân những vấn đề bà con quan tâm, thắc mắc về chính sách kinh tế, về ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất.

Nhìn chung, việc huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng CSHT KTKT nông thôn, đồng thời xây dựng đồng bộ hệ thống CSHT nông thôn đã tạo điều kiện thuận lợi cho nền sản xuất nông nghiệp Trung Quốc phát triển mạnh mẽ, góp phần duy trì và ổn định sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Những vấn đề xã hội ở Trung Quốc cơ bản được giải quyết. Dân số nông thôn nghèo khó ở Trung Quốc từ 94,22 triệu người (cuối năm 2000), giảm xuống còn 26,88 triệu người (năm 2010). Tỷ lệ dân số nông thôn nghèo khó trong tổng số dân nông thôn Trung Quốc từ 10,2% năm 2000, giảm xuống còn 2,8% năm 2010. Điểm đặc biệt đáng chú ý là dân số thành thị của Trung Quốc đã vượt qua dân số nông thôn. Điều này phản ánh động thái tích cực trong tiến trình công nghiệp hóa của Trung Quốc qua biến đổi cơ cấu dân cư và cơ cấu kinh tế xã hội. Theo số liệu thống kê công bố ngày 17-1-2012, số dân thành thị chiếm 51,27% tổng dân số 1,347 tỷ người.

2.3. Phân cấp mạnh mẽ, chủ động phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng KTKT nông thôn

Để khai thác tiềm năng và nguồn nhân lực của các vùng, các địa phương trong cả nước, Chính phủ Trung Quốc đã giảm sự độc quyền của mình trong công tác phát triển CSHT, tiến hành phân cấp cho chính quyền cấp dưới và khuyến khích họ tham gia vào quản lý, xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng.

Chính phủ quan tâm vào các dự án lớn, hiện đại và mang tầm cỡ quốc gia như: điện lưới quốc gia, giao thông huyết mạch, cầu cảng, sân bay,... còn cơ sở hạ tầng nông thôn chủ yếu giao cho chính quyền cấp dưới đảm nhiệm. Chính vì vậy, chính quyền địa phương nhiều nơi đã chủ động dùng vốn ngân sách của mình để đầu tư vào những hạ tầng KTKT thiết yếu, trọng điểm của địa phương. Sự kết hợp giữa chính quyền trung ương và địa phương đã mang lại cho nông thôn Trung Quốc diện mạo mới về trình độ phát triển hạ tầng KTKT, và nó đã tác động rất lớn đến tiến trình CNH nông thôn.

3. Kinh nghiệm với Việt Nam trong đầu tư xây dựng CSHT nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình CNH và xây dựng nông thôn mới

Thứ nhất, phát triển hạ tầng KTKT ở nông thôn luôn phải được đặt trong quy hoạch tổng thể phát triển NN - NT và phải đi trước một bước. Sự thành công hay thất bại trong phát triển hạ tầng KTKT nông thôn phụ thuộc rất nhiều yếu tố, đặc biệt là phải phù hợp với khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển NN-NT. Điều đó có nghĩa là phát triển hạ tầng KTKT nông thôn cần phải được quy hoạch và thực hiện theo lộ trình đã xác định trước. Có như vậy mới đảm bảo tính cân đối tổng thể trong quá trình phát triển. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể cũng nhằm xác định rõ nhu cầu phát triển trong mỗi giai đoạn gắn với mục tiêu và khả năng huy động các nguồn lực.

Thứ hai, phát triển CSHT kinh tế kỹ thuật ở nông thôn cần đảm bảo tính đồng bộ. Cả lý luận và thực tiễn đã khẳng định hạ tầng KTKT nông thôn luôn mang tính hệ thống, tính đồng bộ cao. Đồng bộ không chỉ giữa các công trình thuộc kết cấu hạ tầng, mà cần đồng bộ với các yếu tố khác nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của từng địa phương hay khu vực. Thiếu một hay một số thành tố nào đó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự vận hành của các yếu tố khác và ảnh hưởng đến hiệu quả của cả hệ thống. Do đó, để nâng cao hiệu quả của hệ thống hạ tầng KTKT nông thôn, trong quá trình xây dựng cần đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống.

Thứ ba, Nhà nước cần đóng vai trò quyết định trong việc cung cấp các nguồn ngân sách hỗ trợ các địa phương trong xây dựng phát triển hạ tầng KTKT ở nông thôn. Thực tế cho thấy, việc xây dựng các công trình hạ tầng KTKT ở nông thôn thường đòi hỏi chi phí lớn, hơn nữa lại ít hấp dẫn đầu tư tư nhân. Do vậy, Nhà nước cần bố trí vốn ngân sách dành cho xây dựng hạ tầng KTKT nông thôn. Đồng thời tạo môi trường thuận lợi để thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thứ tư, cần có sự phân cấp mạnh mẽ giữa chính quyền trung ương và địa phương về quản lý đầu tư phát triển hạ tầng KTKT nông thôn và quản lý ngân sách. Điều này sẽ tạo ra tính chủ động cho các cấp chính quyền địa phương trong việc ra quyết định đầu tư theo những mục tiêu đề ra, chủ động cân đối ngân sách và có chính sách huy động vốn hợp lý từ các nguồn khác nhau. Bởi vì chính quyền địa phương là người biết rõ nhất về nhu cầu và lợi thế cũng như bất lợi của địa phương mình. Khi địa phương được phân quyền sẽ đưa ra được những quyết định linh hoạt, chủ động về tài chính, nhân lực và phân bổ hiệu quả nguồn lực của mình dựa trên thế mạnh, tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Tóm lại, phát triển hạ tầng KTKT nông thôn đã

mở ra hướng phát triển mới cho kinh tế - xã hội nông thôn trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường. Hướng tới mục tiêu đó đòi hỏi sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước cùng với sự phát huy nội lực của các địa phương. Điều

này không chỉ dừng lại trong nhận thức mà còn đòi hỏi những biện pháp cụ thể trong thực tiễn nhằm đẩy nhanh phát triển hạ tầng KTKT nông thôn trong xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa theo chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay.□

Chú thích:

1. <http://vietnamese.cri.cn/421/2012/12/25/1s181362.htm>
2. ADB, Kết nối Đông Á – Khuôn khổ mới cho cơ sở hạ tầng, 2005 và Laurel Graefe and Galina Alexeenko, Xây dựng một thế giới tốt hơn: Vai trò của Cơ sở hạ tầng trong tăng trưởng kinh tế, EconSouth, Vol 10, No 2, 2008.
3. Theo thông tin từ ông Wen Tiejun, Hiệu trưởng trường kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn trực thuộc đại học Renmin và cũng là chuyên gia tư vấn cấp cao cho chính quyền Hồ - Ôn.
4. Kế hoạch công kiên xóa đói giảm nghèo 87 được Trung Quốc công bố năm 1994, gọi tắt là “Kế hoạch 87”.
5. Theo thông tin của ông Chu Học Văn, Bộ Thủy lợi Trung Quốc.
6. Kể từ cuối thập kỷ 90: Những thách thức của nông nghiệp Trung Quốc trong giai đoạn mới về dư thừa nông sản khi tiến lên sản xuất hàng hoá, công nghiệp chế biến yếu kém khiến sản phẩm không bán được, thu nhập thấp,... Tình hình mới đòi hỏi Trung Quốc phải có những quyết sách và động lực mới để tháo gỡ bế tắc, đẩy mạnh kinh tế nông thôn phát triển, tiếp tục đưa công cuộc cải cách đi lên. Chính trong tình hình này những hướng đi mới đã xuất hiện mà khởi điểm là mô hình sản nghiệp hoá với mũi nhọn là phát triển Doanh nghiệp đầu rỗng (DNDR).
7. Hà Bắc là tỉnh nông nghiệp trọng điểm của Trung Quốc với hai cây chủ lực là ngô và lúa mì.

Tài liệu tham khảo:

1. Chu Tiên Quang (chủ biên), 2005. *Huy động và sử dụng các nguồn lực trong phát triển kinh tế nông thôn- Thực trạng và giải pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
2. Đặng Kim Sơn, 2008. *Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
3. Đỗ Tiến Sâm (chủ biên), 2007. *Báo cáo phát triển Trung Quốc tình hình và triển vọng*, Nhà xuất bản Thế giới.
4. Đỗ Tiến Sâm (chủ biên), 2012. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn nổi bật của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ 21*, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa.
5. Nguyễn Văn Bích, Chu Tiên Quang, 1996. *Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
6. Nguyễn Minh Hằng (chủ biên), 2003. *Một số vấn đề về hiện đại hóa nông nghiệp Trung Quốc*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
7. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh và Trần Khánh Hưng (đồng chủ biên), 2012. *Giáo trình Lịch sử kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
8. Nguyễn Văn Thường, Trần Khánh Hưng (đồng chủ biên), 2011. *Giáo trình Kinh tế Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
9. Nguyễn Xuân Cường, 2010. *Quá trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn ở Trung Quốc (1978 – 2008)*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
10. Lixin Tang, 2009. *A Study on Foreign Direct Investment Agriculture in China*, School of Management, Yangtze University, Jingzhou 434023, China.
11. Liang Chuan, 2011. *Chapter 3: Infrastructure Development in China*
12. OECD, 2011. *China - Agricultural Policy Monitoring and Evaluation 2011*
13. Quan Li and Thomas I. Wahl, 2004. *Efficiency and Technological Progress in the Chinese Agriculture: the Role of Foreign Direct Investment*, Washington State University.
14. Scott Rozelle, 1997. *Agricultural Research Policy in China: Testing the Limits of Commercialization-Led Reform*, Stanford University - Freeman Spogli Institute of International Studies.
15. <http://www.tinmoi.vn>, truy cập ngày 10/1/2013.
16. <http://www.baomoi.com>, truy cập ngày 10/1/2013.
17. <http://nongthonmoi.gov.vn>, truy cập ngày 10/1/2013.
18. <http://sedac.ciesin.columbia.edu/data/set/cddc-china-agricultural-stats-1949-1990/metadata>, truy cập ngày 10/1/2013.
19. <http://english.agri.gov.cn/>, truy cập ngày 10/1/2013.